

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 545/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 17/9/2020

V/v vụ án ly hôn – mâu thuẫn gia đình

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hồng Nam

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Vũ Thị Hiệp

2. Bà Võ Ngọc Thúy

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trịnh Thị Thơi – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Hồ Bá Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 217/2020/TLST-HN ngày 26 tháng 5 năm 2020 về việc: “vụ án ly hôn - mâu thuẫn gia đình”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 85/2020/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thành Tr, sinh năm X

Địa chỉ: A, Phường M, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Bà Lê Thị Kim D, sinh năm Y

Địa chỉ: B, Phường T, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NỘI D V U Á N:**

*Theo đơn khởi kiện cùng các bản tự khai, nguyên đơn ông Nguyễn Thành Tr trình bày:*

Ông và bà Lê Thị Kim D tự nguyện chung sống từ năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường M, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh (theo giấy chứng nhận kết hôn số 136, quyển số 01/2010 ngày 14/7/2010).

Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2018 do bà D thường bỏ nhà đi ăn nhậu qua đêm không về, không lo cho con cái, ông đã khuyên bà D nhiều lần nhưng bà D không thay đổi. Hai vợ chồng bất đồng trong quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không tự hòa giải với nhau nên tình cảm

vợ chồng ngày càng bị rạn nứt, không còn tôn trọng lẫn nhau. Hai vợ chồng đã ly thân được 02 năm.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu được ly hôn với bà D.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng chung sống có 01 con chung tên Nguyễn Lê Bảo Kh, sinh ngày Z. Ông Tr đề nghị được trực tiếp nuôi trẻ Kh. Không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Không có.

*Tại bản tự khai và biên bản hòa giải, bị đơn bà Lê Thị Kim D trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Việc chung sống và đăng ký kết hôn đúng như ông Nguyễn Thành Tr đã trình bày.

Cuộc sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn từ 02 năm trở lại đây, xuất phát từ nhiều nguyên nhân. Bà thừa nhận do vợ chồng tính tình không hợp nên bà thường xuyên đi chơi qua đêm không về như trình bày của ông Tr tại đơn khởi kiện và bản tự khai. Tuy nhiên hiện nay bà đã thay đổi bản thân, không còn đi chơi hay tụ tập bạn bè và bản thân bà vẫn còn tình cảm với ông Tr. Do đó bà đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ hai vợ chồng. Bà không đồng ý ly hôn với ông Nguyễn Thành Tr.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 01 con chung tên Nguyễn Lê Bảo Kh, sinh ngày Z. Do không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề con chung. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Tr, bà đồng ý giao trẻ Nguyễn Lê Bảo Kh, sinh năm Z cho ông Tr trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con : Tự thỏa thuận

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng : Không có.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Ông Nguyễn Thành Tr có đơn xin vắng mặt, bà Lê Thị Kim D vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 tham dự phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về trình tự thủ tục tố tụng dân sự: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tại phiên tòa sơ thẩm, đảm bảo nguyên tắc xét xử. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội D: Ông Nguyễn Thành Tr và bà Lê Thị Kim D có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Ông Tr, bà D có 01 con chung tên Nguyễn Lê Bảo Kh, sinh ngày Z; Quá trình sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn, hai bên không ngồi lại hòa giải với nhau nên tình trạng mâu thuẫn gia đình không được cải thiện. Hiện hai vợ chồng đang sống ly thân. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc Ông Tr

xin ly hôn bà D là có cơ sở chấp nhận. Về vấn đề tài sản chung, nợ chung: Không có; Về con chung hai bên thống nhất giao trẻ Nguyễn Lê Bảo Kh, sinh năm Z cho ông Tr trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của ông Tr về việc không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con;

Căn cứ khoản 1 Điều 56; các Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 85 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Tr.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, các lời khai, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Mặc dù, bà D đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do, cũng không có ý kiến phản hồi.

Đối với sự vắng mặt của nguyên đơn tại phiên tòa, xét thấy quá trình chuẩn bị xét xử nguyên đơn đều có mặt, đã có lời khai cũng như đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cần thiết cho việc giải quyết vụ án. Ngày 17/9/2020, nguyên đơn có đơn xin vắng mặt.

Do đó, căn cứ điểm a, b Khoản 2 Điều 227; Khoản 1, Khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành thủ tục xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng

[2] Về quan hệ tranh chấp: “vụ án ly hôn – mâu thuẫn gia đình” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn cư trú tại địa chỉ số B, Phường T, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

[4] Về yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Thành Tr và bà Lê Thị Kim D quen biết, tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường M, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 136, quyển số 01/2010 ngày 14/7/2010 nên đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa ông Nguyễn Thành Tr và bà Lê Thị Kim D là hợp pháp, được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[4.2] Xét, ông Nguyễn Thành Tr có yêu cầu ly hôn với bà Lê Thị Kim D, tuy nhiên bà Lê Thị Kim D cho rằng bản thân bà vẫn còn tình cảm với ông Tr nên không đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử xét, căn cứ vào bản tự khai của các đương sự thể hiện từ khi kết hôn, hai vợ chồng sống chung tại địa chỉ B, Phường T, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh; vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Tại biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân ngày 05/8/2020 của Ủy ban nhân dân Phường T, Quận S có nội dung gia đình ông Tr, bà D chưa từng nộp đơn

lên Ủy ban nhân dân Phường yêu cầu tiến hành hòa giải mâu thuẫn gia đình, Ủy ban Phường cũng chưa ghi nhận việc xử lý vi phạm chế độ hôn nhân một vợ, một chồng của ông Tr, bà D, các nội dung khác Ủy ban không nắm rõ.

Xét, căn cứ vào bản tự khai của các đương sự thể hiện quá trình chung sống giữa ông Tr và bà D phát sinh nhiều mâu thuẫn. Tại bản tự khai ngày 02/6/2020 của ông Tr có nội dung mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu từ năm 2018, xuất phát từ việc bà D không chăm lo cho gia đình, bỏ chồng con đi ăn nhậu qua đêm không về, bản thân ông đã khuyên bà D nhiều lần nhưng bà D vẫn không thay đổi; tại bản tự khai ngày 22/6/2020 bà D cũng thừa nhận trình bày của ông Tr là đúng sự thật, nguyên nhân là do trong thời gian chung sống tính tình vợ chồng không hợp nên bà thường xuyên đi chơi qua đêm không về; mâu thuẫn trầm trọng giữa hai vợ chồng bắt đầu từ tháng 3/2020.

Hội đồng xét xử xét, tại các phiên hòa giải, Tòa án cũng dành thời gian để các đương sự tự hòa giải với nhau, nhưng ông Tr vẫn yêu cầu được ly hôn. Do đó trình bày của bà D cho rằng tình cảm vợ chồng giữa ông Tr và bà D vẫn còn là không có cơ sở. Đồng thời, tại phiên tòa hôm nay bà D cũng không có mặt để Hội đồng xét xử hòa giải mâu thuẫn gia đình mà để mặc ông Tr tự giải quyết việc mâu thuẫn vợ chồng. Điều này chứng tỏ bà D không còn tha thiết cuộc sống vợ chồng với ông Tr, không thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình.

Xét, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Nhưng từ năm 2018, giữa bà D và ông Tr phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, quan hệ vợ chồng giữa ông Tr, bà D đã trầm trọng, khả năng đoàn tụ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của ông Tr là có cơ sở chấp nhận.

[4.3] Về con chung: Vợ chồng chung sống có 01 con chung tên Nguyễn Lê Bảo Kh, sinh năm Z. Căn cứ vào bản trình bày nguyện vọng ngày 02/6/2020 của trẻ Kh, cũng như sự chấp nhận của bà Lê Thị Kim D tại bản tự khai ngày 22/6/2020. Hội đồng xét xử giao trẻ Nguyễn Lê Bảo Kh cho ông Nguyễn Thành Tr trực tiếp nuôi dưỡng và dành quyền thăm nom cho bà Lê Thị Kim D. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Tr về việc không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con.

[4.4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Tr, bà D thừa nhận không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4.5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Tr chịu theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 85 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2006 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

**1.** Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho ly hôn giữa ông Nguyễn Thành Tr và bà Lê Thị Kim D.

**2.** Về quan hệ con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao trẻ Nguyễn Lê Bảo Kh, sinh năm Z cho ông Nguyễn Thành Tr trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Tr về việc không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con. Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Bà Lê Thị Kim D được quyền thăm nom con, không ai được cản trở. Vì lợi ích con chung, khi có yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

**3.** Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự thừa nhận không có, do đó Tòa án không xem xét.

**4.** Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) ông Nguyễn Thành Tr phải chịu. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) mà ông Tr đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2018/0010222 ngày 26/5/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 6, ông Nguyễn Thành Tr đã nộp xong án phí sơ thẩm.

**5.** Giấy chứng nhận kết hôn số 136, quyển số 01/2010 ngày 14/7/2010 do Ủy ban nhân dân Phường M, Quận S cấp hết hiệu lực kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

**6.** Quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân TPHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 6;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6;
- Ủy ban nhân dân P11, Q6
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Hồng Nam**